

HƯỚNG DẪN

Nghiệp vụ cho vay đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn;

Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn và Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

1.2. Đối tượng áp dụng

a) Khách hàng vay vốn;

- b) Đơn vị, cá nhân thuộc NHCSXH;
- c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Vùng khó khăn

2.1. Vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại bao gồm:

a) Các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) quy định trong Danh mục các đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng thời kỳ;

b) Các huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã nhưng thuộc Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng thời kỳ;

c) Các thôn không thuộc các xã quy định tại tiết a điểm này nhưng thuộc Danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do cấp có thẩm quyền ban hành cho từng thời kỳ.

2.2. Các đơn vị hành chính thành lập trên cơ sở chia, tách, sáp nhập các đơn vị hành chính thuộc các Danh mục nêu tại điểm 2.1 khoản này cũng được hưởng chính sách tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

3. Đối tượng được vay vốn

3.1. Thương nhân (bao gồm: tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh) hoạt động thương mại thường xuyên ở vùng khó khăn theo quy định tại khoản 2 văn bản này (sau đây gọi chung là khách hàng vay vốn).

3.2. Hoạt động thương mại: là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác, thực hiện theo quy định của Luật thương mại và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Điều kiện được vay vốn

4.1. Được Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã nơi thương nhân hoạt động thương mại xác nhận có thực hiện hoạt động thương mại thường xuyên trên địa bàn.

4.2. Có vốn tự có (bao gồm: giá trị vật tư, quyền sử dụng đất, tiền vốn) tham gia tối thiểu bằng 20% tổng nhu cầu vốn vay cho hoạt động thương mại tại địa bàn vùng khó khăn.

4.3. Thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định tại khoản 11 văn bản hướng dẫn này.

5. Nguyên tắc vay vốn

5.1. Khách hàng vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay theo quy định tại khoản 6 văn bản hướng dẫn này.

5.2. Khách hàng vay vốn phải trả nợ gốc, lãi đúng hạn theo hợp đồng tín dụng đã cam kết.

6. Mục đích sử dụng vốn vay

6.1. Đầu tư xây dựng trụ sở, cửa hàng, kho tàng, trang thiết bị và các tài sản khác.

6.2. Mua sắm hàng hoá gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hàng tiêu dùng, các động sản khác được lưu thông trên thị trường.

6.3. Góp vốn với các tổ chức, cá nhân khác để thực hiện các dự án sản xuất, kinh doanh tại địa bàn vùng khó khăn quy định tại khoản 2 văn bản hướng dẫn này.

7. Phương thức cho vay

7.1. Đối với khách hàng vay vốn là cá nhân: NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của NHCSXH.

7.2. Đối với khách hàng vay vốn là tổ chức kinh tế: NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại trụ sở chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh hoặc trụ sở Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện (sau đây gọi chung là NHCSXH nơi cho vay).

8. Mức vốn cho vay

8.1. Đối với khách hàng vay vốn là cá nhân: mức vốn cho vay tối đa là 100 triệu đồng/cá nhân.

8.2. Đối với khách hàng vay vốn là tổ chức kinh tế: mức vốn cho vay tối đa là 1 tỷ đồng/tổ chức.

9. Lãi suất cho vay

9.1. Lãi suất cho vay bằng mức lãi suất cho vay đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn trong từng thời kỳ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

9.2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

10. Thời hạn cho vay

10.1. Thời hạn cho vay bao gồm: cho vay ngắn hạn và cho vay trung hạn nhưng tối đa không quá 5 năm và không quá thời hạn hoạt động còn lại theo Giấy phép hoạt động (nếu có).

10.2. Thời hạn cho vay của từng trường hợp do NHCSXH nơi cho vay quyết định, phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ của khách hàng và chu kỳ hoạt động thương mại.

11. Bảo đảm tiền vay

11.1. Khách hàng vay vốn đến 100 triệu đồng không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

11.2. Khách hàng vay vốn trên 100 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và quy định của NHCSXH.

12. Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay đối với khách hàng vay vốn là cá nhân

12.1. Hồ sơ vay vốn

a) Hồ sơ do khách hàng vay vốn lập và cung cấp

- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD đính kèm văn bản này);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ sau:

+ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

+ Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định);

+ Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng;

- Bản chính/Bản gốc/Bản sao có chứng thực văn bản ủy quyền về việc vay vốn tại NHCSXH đối với trường hợp trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có từ hai thành viên trở lên (theo mẫu đính kèm).

b) Hồ sơ do Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) lập

- Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TD);

- Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD).

c) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập

- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) phân phê duyệt của ngân hàng;

- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

d) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, khách hàng vay vốn cùng lập: Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05/TDTN).

12.2. Quy trình, thủ tục cho vay

a) Khách hàng vay vốn lập 01 liên giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) và các giấy tờ quy định tại tiết a điểm 12.1 khoản 12 văn bản hướng dẫn này gửi Tổ TK&VV nơi khách hàng vay vốn đang cư trú hợp pháp.

b) Tại Tổ TK&VV

- Tổ TK&VV tổ chức họp bình xét cho vay dưới sự giám sát, chứng kiến của Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố và người đại diện tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã). Trường hợp khách hàng vay vốn chưa là tổ viên Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tổ chức họp kết nạp bổ sung tổ viên.

- Lập danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) kèm bộ hồ sơ vay vốn của khách hàng vay vốn và biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TD) trình UBND cấp xã.

- Tại UBND cấp xã

Căn cứ bộ hồ sơ vay vốn của khách hàng vay vốn, danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH do Tổ TK&VV gửi tới, UBND cấp xã thực hiện việc xác nhận trên Giấy đề nghị vay vốn (mẫu 01/TD) và Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu 03/TD), sau đó Tổ TK&VV gửi NHCSXH nơi cho vay.

- Tại NHCSXH nơi cho vay

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ hồ sơ vay vốn, cán bộ tín dụng được phân công thực hiện kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn. Sau đó, cán bộ tín dụng trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát đề trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt.

+ Sau khi có phê duyệt cho vay của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay, NHCSXH nơi cho vay cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 05/TDTN, trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt giải ngân.

+ NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo kết quả phê duyệt cho vay theo mẫu số 04/TD cho UBND cấp xã để thông báo cho khách hàng vay vốn đến trụ sở NHCSXH nơi cho vay hoặc Điểm giao dịch xã làm thủ tục nhận tiền vay theo quy định.

+ Hồ sơ vay vốn được hoàn thiện, cán bộ tín dụng được phân công bàn giao cho bộ phận kế toán 01 bộ làm căn cứ giải ngân, 01 bộ gửi cho khách hàng vay vốn.

12.3. Giải ngân

Căn cứ bộ hồ sơ vay vốn đã được phê duyệt, NHCSXH nơi cho vay giải ngân cho khách hàng vay vốn bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng vay vốn.

12.4. Định kỳ hạn trả nợ gốc, trả lãi, thu nợ, thu lãi

a) Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi

- Đối với cho vay ngắn hạn: trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

- Đối với cho vay trung hạn: kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 6 tháng/lần kể từ ngày khách hàng vay vốn nhận tiền vay.

- Trả lãi: định kỳ trả lãi theo tháng.

b) Trường hợp khách hàng vay vốn chưa trả được nợ gốc phân kỳ theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo nhưng không quá kỳ hạn trả nợ cuối cùng.

c) Thu nợ, thu lãi

- NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu nợ, thu lãi theo quy định hiện hành.

- Khách hàng vay vốn có thể trả nợ trước hạn.
- Trường hợp khách hàng vay vốn trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

12.5. Kiểm tra, giám sát

a) Thực hiện theo các quy định về quy trình, phương pháp kiểm tra, giám sát hoạt động nhận ủy thác cho vay. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD).

b) Đối với trường hợp vay vốn để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, người vay vốn có trách nhiệm lưu giữ và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng tiền vay NHCSXH đúng mục đích xin vay. Khi kiểm tra, cán bộ kiểm tra ghi nhận tài liệu/hóa đơn/chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay trên Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD).

12.6. Xử lý nợ

a) Gia hạn nợ

- Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng, khách hàng chưa có khả năng trả được nợ và có nhu cầu xin gia hạn nợ thì viết giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09A/TD) gửi NHCSXH nơi cho vay để xem xét cho gia hạn nợ. Việc gia hạn nợ được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

- Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng thời gian gia hạn nợ tối đa không quá thời hạn cho vay đối với cho vay ngắn hạn và tối đa không quá 1/2 thời hạn cho vay đã được ghi trong Hợp đồng tín dụng đối với cho vay trung hạn.

b) Chuyển nợ quá hạn

- Đối với trường hợp khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích và được ghi nhận trong Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD hoặc mẫu 06A/TD), trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày ghi nhận trong Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay, NHCSXH nơi cho vay đôn đốc thu hồi, nếu khách hàng vay vốn không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn.

- Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng được ghi trong Hợp đồng tín dụng, nếu khách hàng vay vốn không trả được nợ và không được NHCSXH cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn đồng thời tiến hành đôn đốc thu hồi nợ.

- Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo chuyển nợ quá hạn cho khách hàng (mẫu số 14/TD). Đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và cơ quan có thẩm quyền để tìm biện pháp thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

13. Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay đối với khách hàng vay vốn là tổ chức kinh tế

13.1. Hồ sơ vay vốn

a) Hồ sơ do khách hàng lập và cung cấp

- Phương án vay vốn (mẫu số 01/TDTN);
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- + Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

- + Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.

- + Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Điều lệ của doanh nghiệp/Hợp tác xã/tổ chức khác.

- Bản gốc/Bản chính văn bản của chủ sở hữu hoặc đại diện có thẩm quyền thực hiện quyền của chủ sở hữu doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ chức khác chấp thuận/phê duyệt cho doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ chức khác vay vốn tại NHCSXH (theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ chức khác có quy định).

- Bản gốc/Bản chính/Bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có).

- Bản gốc/Bản chính: Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật trong 02 năm liền kề và báo cáo nhanh về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay vốn. Nếu Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ chức khác có thời gian hoạt động dưới 02 năm thì gửi báo cáo tài chính năm đã hoạt động (nếu có) và báo cáo về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay.

b) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ vay vốn (mẫu số 02/TDTN);

- Báo cáo thẩm định (mẫu số 03/TDTN);

- Thông báo phê duyệt cho vay (mẫu số 04a/TDTN);

- Thông báo từ chối cho vay (mẫu số 04b/TDTN).

- c) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, khách hàng cùng lập: Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05/TDTN).

d) Hồ sơ bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của NHCSXH (nếu có).

13.2. Quy trình, thủ tục cho vay

a) Khách hàng gửi hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi cho vay. Cán bộ được phân công nhận và kiểm tra; nếu hồ sơ vay vốn đầy đủ theo quy định thì lập Thông báo tiếp nhận hồ sơ (mẫu số 02/TDTN).

b) Đối với mức vay đến 100 triệu đồng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng; Đối với mức vay trên 100 triệu đồng trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng, cán bộ được phân công thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn: đối với các loại giấy tờ quy định tại tiết a điểm 13.1 khoản 13 văn bản này và các giấy tờ liên quan khác của khách hàng (nếu có), NHCSXH nơi cho vay yêu cầu khách hàng cung cấp bản chính để kiểm tra đối chiếu. Cán bộ tín dụng kiểm tra, đối chiếu ký xác nhận trên bản sao, trường hợp khách hàng nộp bản sao chứng thực thì không phải kiểm tra đối chiếu với bản chính;

- Thẩm định phương án vay vốn, trình phê duyệt cho vay: trường hợp hồ sơ vay vốn đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, cán bộ thẩm định phương án vay vốn và lập Báo cáo thẩm định (mẫu số 03/TDTN) trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét phê duyệt. Đồng thời lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04a/TDTN) gửi khách hàng vay vốn. Trường hợp khách hàng không đủ điều kiện phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo từ chối cho vay (mẫu số 04b/TDTN) gửi khách hàng vay vốn.

c) Sau khi có kết quả phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi cho vay cùng khách hàng lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05/TDTN).

d) Trường hợp phải thực hiện bảo đảm tiền vay, NHCSXH nơi cho vay và bên thế chấp thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và NHCSXH.

đ) Kế toán chỉ được phát tiền vay sau khi bên thế chấp đã bàn giao cho NHCSXH nơi cho vay bản gốc: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Hợp đồng thế chấp tài sản đã công chứng hoặc chứng thực; Giấy chứng nhận bảo hiểm tài sản trong trường hợp pháp luật quy định tài sản thế chấp phải mua bảo hiểm (nếu có); giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp để lưu thành túi riêng và làm thủ tục lưu trữ, bảo quản trong kho theo quy định của NHCSXH.

13.3. Tài khoản thanh toán của khách hàng

Trường hợp khách hàng chưa có tài khoản thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay thì thực hiện mở tài khoản thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay theo quy định

của NHCSXH. Thời điểm mở tài khoản thanh toán được thực hiện trước khi NHCSXH giải ngân.

13.4. Giải ngân

Căn cứ Hợp đồng tín dụng đã ký, NHCSXH nơi cho vay giải ngân cho khách hàng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng theo quy định.

13.5. Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi, thu nợ, thu lãi

a) Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi

- Đối với cho vay ngắn hạn: trả nợ gốc một lần khi đến hạn.
- Đối với cho vay trung hạn: kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 6 tháng/lần kể từ ngày khách hàng vay vốn nhận tiền vay.

- Trả lãi: định kỳ trả lãi theo tháng.

b) Thu nợ, thu lãi

- Khách hàng vay vốn chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản thanh toán đã mở tại NHCSXH nơi cho vay. NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán để thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Khách hàng được trả nợ gốc trước hạn sau khi trả hết nợ lãi.

- Trường hợp khách hàng vay vốn trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

13.6. Kiểm tra, giám sát

Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày giải ngân, NHCSXH nơi cho vay tổ chức thực hiện kiểm tra trực tiếp. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/TDTN). Đối với trường hợp vay vốn để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh, người vay vốn có trách nhiệm lưu giữ và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng tiền vay NHCSXH đúng mục đích xin vay. Khi kiểm tra, cán bộ kiểm tra ghi nhận tài liệu/hóa đơn/chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay trên Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/TDTN).

NHCSXH có trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, mục đích sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng, nhằm đôn đốc khách hàng thực hiện đúng và đầy đủ những cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

13.7. Xử lý nợ

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc

Đối với cho vay có thời hạn trên 12 tháng: trường hợp khách hàng chưa trả nợ gốc đúng kỳ hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, trước 05 ngày đến hạn trả nợ phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn nợ (mẫu số 08/TDTN) gửi NHCSXH nơi cho vay. NHCSXH nơi cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ vào kỳ trả nợ

tiếp theo. Việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ có thể được thực hiện một hay nhiều lần nhưng thời gian điều chỉnh không được vượt quá 6 tháng cho mỗi kỳ hạn trả nợ.

b) Gia hạn nợ

- Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng, khách hàng chưa có khả năng trả được nợ và có nhu cầu xin gia hạn nợ thì được NHCSXH xem xét cho gia hạn nợ. Việc gia hạn nợ được thực hiện theo quy định của NHCSXH. Trước 05 ngày đến hạn, khách hàng phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09/TDTN) gửi NHCSXH nơi cho vay.

- Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng thời gian gia hạn nợ tối đa không quá thời hạn cho vay đối với cho vay ngắn hạn và tối đa không quá 1/2 thời hạn cho vay đã được ghi trong Hợp đồng tín dụng đối với cho vay trung hạn.

c) Chuyển nợ quá hạn

- Đối với trường hợp khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/TDTN), NHCSXH nơi cho vay đơn đốc thu hồi. Trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày NHCSXH nơi cho vay lập Biên bản kiểm tra, nếu khách hàng không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn.

- Đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà khách hàng chưa trả được, không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển số dư nợ đó sang quá hạn.

- Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng được ghi trong Hợp đồng tín dụng, nếu khách hàng không trả được nợ và không được NHCSXH cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

- Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo chuyển nợ quá hạn cho khách hàng (mẫu số 10/TDTN). Đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và cơ quan có thẩm quyền để tìm biện pháp thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

14. Xử lý nợ bị rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro thực hiện theo quy định của NHCSXH.

15. Hạch toán kế toán và lưu trữ hồ sơ vay vốn

Công tác hạch toán kế toán và lưu trữ hồ sơ vay vốn được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

16. Chế độ báo cáo thống kê

Chế độ báo cáo thống kê được thực hiện theo các quy định của NHCSXH.

17. Tổ chức thực hiện

Chi nhánh NHCSXH tỉnh, thành phố và Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện có danh mục vùng khó khăn theo quy định tại khoản 2 văn bản này có trách nhiệm:

17.1. Báo cáo UBND, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp về việc triển khai thực hiện Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các nội dung hướng dẫn tại văn bản này và các văn bản có liên quan.

17.2. Thực hiện đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và văn bản hướng dẫn này về chính sách cho vay đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, quán triệt đến toàn thể cán bộ trong đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện có hiệu quả Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg, Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg và văn bản hướng dẫn này. Trong quá trình thực hiện thường xuyên rà soát danh mục vùng khó khăn theo quy định tại khoản 2 văn bản này, phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin thực hiện việc khai báo và cấu hình danh mục vùng khó khăn lên hệ thống Intellect để thực hiện cho vay đảm bảo đúng quy định.

17.3. Chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan tuyên truyền, phổ biến chính sách cho vay đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đến các cấp, các ngành và người dân biết để thực hiện và giám sát.

18. Hiệu lực thi hành

18.1. Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/8/2023 và thay thế văn bản số 2479/NHCS-TDSV ngày 04/9/2009 của Tổng Giám đốc hướng dẫn thực hiện cho vay vốn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn. Các nội dung trái với nội dung văn bản này đều hết hiệu lực thi hành.

Những nội dung không hướng dẫn tại văn bản này, thực hiện theo quy định tại Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg, Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

18.2. Điều khoản chuyển tiếp

a) Đối với các khoản vay đã được NHCSXH phê duyệt cho vay trước ngày văn bản này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các nội dung quy định tại văn bản số 2479/NHCS-TDSV và các văn bản khác có liên quan.

b) Trường hợp khách hàng vay vốn đang vay vốn tại NHCSXH nay không còn thuộc vùng khó khăn theo quy định tại điểm 2.1 khoản 2 văn bản này thì tiếp tục thực hiện theo các cam kết, quyền hạn, trách nhiệm với NHCSXH cho đến khi kết thúc nghĩa vụ trả nợ.

18.3. Trường hợp sau ngày ban hành văn bản này có sự thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến việc áp dụng văn bản này trái với quy định của pháp luật hiện hành thì NHCSXH nơi cho vay thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

18.4. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung văn bản này do Tổng Giám đốc NHCSXH quyết định. Yêu cầu Giám đốc Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan trong hệ thống NHCSXH tổ chức triển khai thực hiện.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Hội sở chính NHCSXH xem xét, giải quyết./. *my*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Bộ LĐTB&XH;
- Ủy ban Dân tộc;
- Hội LHPN, HCC, HND, ĐTN (để p/hợp);
- Các thành viên HĐQT NHCSXH;
- Các thành viên CGTV HĐQT NHCSXH;
- Trưởng BGD HĐQT NHCSXH các cấp;
- TGD, TBKS HĐQT;
- Các PTGD, KTT;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm CNTT;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, TP;
- Website NHCSXH;
- Lưu: VT, TDSV.

} để b/cáo

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Văn Thuận



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01/TD

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIỂM PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY
Chương trình cho vay:

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Họ tên người vay:.....Năm sinh:
- Số CMND: ngày cấp: /..... /....., nơi cấp:
- Địa chỉ cư trú: thôn; xã huyện
- Là thành viên Tổ TK&VV do ông (bà) làm tổ trưởng.
- Thuộc tổ chức Hội: quản lý.

2. Đề nghị NHCSXH cho vay số tiền:.....đồng
(Bằng chữ.....)

Để thực hiện phương án:.....

Tổng nhu cầu vốn:.....đồng. Trong đó:

+ Vốn tự có tham gia:.....đồng.

+ Vốn vay NHCSXH:.....đồng để dùng vào việc:

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
.....		
.....		
.....		

- Thời hạn vay vốn: tháng; Kỳ hạn trả nợ: tháng/lần.

- Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày.../.../.....

Chúng tôi cam kết: sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai trái, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Ngày..... tháng năm

Xác nhận của UBND cấp xã

Ông/bà.....
có thực hiện hoạt động thương mại
thường xuyên trên địa bàn./.

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên
hoặc điểm chỉ)

3

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

1. Số tiền cho vay:đồng (Bằng chữ:.....)
2. Lãi suất:%/năm. Lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.
3. Thời hạn cho vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ:tháng/lần.
4. Số tiền trả nợ: đồng/lần. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....
5. Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày

Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Tổ trưởng) TD
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

Kính gửi: Ngân hàng chính sách xã hội

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức kinh tế¹:
2. Họ và tên người đại diện: Chức vụ:
Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:
Ngày cấp: Nơi cấp:
3. Giấy ủy quyền (nếu có): số..... ngày:/...../.....
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại: Fax:
6. Mã số thuế.....
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã số:
Ngày cấp: Cơ quan cấp:
8. Tài khoản thanh toán số:..... tại Ngân hàng
9. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có:

II. NỘI DUNG VỀ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

1. Nội dung phương án vay vốn²:

a) Đầu tư xây dựng trụ sở, cửa hàng, kho tàng, trang thiết bị và các tài sản khác:

- Hạng mục đầu tư:

- Chi phí đầu tư:

b) Mua sắm hàng hóa, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hàng tiêu dùng:

+ Chung loại:.....

+ Số lượng:.....

+ Giá trị:.....

¹ Tùy theo từng loại hình tổ chức kinh tế để điền các thông tin cho phù hợp.

² Tùy thuộc vào mục đích của phương án vay vốn để kê khai theo nội dung các điểm a, b, c.

2

c) Góp vốn với tổ chức, cá nhân khác để thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh

- Dự án sản xuất, kinh doanh:.....

- Tổng vốn thực hiện dự án SXKD:.....

- Số vốn góp hiện dự án SXKD.....

2. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng.

- Vốn vay từ NHCSXH: đồng.

- Thời gian thực hiện phương án: từ tháng năm đến tháng năm.....

III. ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

Đề nghị Ngân hàng chính sách xã hội cho vay số tiền: đồng.

(Bằng chữ:) để dùng vào việc:

STT	Mục đích sử dụng vốn vay	Số lượng	Thành tiền (đồng)

- Thời hạn vay vốn: tháng

- Nguồn tiền trả nợ ngân hàng:

+ Từ khấu hao: đồng;

+ Lợi nhuận và các nguồn khác: đồng;

+ Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm: đồng, trong đó:

Trả nợ gốc:; Trả lãi:

IV. CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, trung thực của các thông tin và nội dung nêu trên.

2. Sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội đầy đủ, đúng hạn.

3. Tuân thủ các quy định về vay vốn, chịu sự kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

4. Cam kết lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay theo tiến độ thực hiện phương án, cung cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay và cơ quan chức năng khi được yêu cầu.

5. Dùng các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình để trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ/
PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

....., ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tổ chức kinh tế:.....
có thực hiện hoạt động thương mại thường
xuyên trên địa bàn./.

....., ngày ... tháng ... năm
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

Mẫu số 02/TDTN
Lập 02 liên: 01 liên lưu ngân hàng, 01 liên giao khách hàng
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO TIẾP NHẬN HỒ SƠ VAY VỐN

Vào hồigiờ.....phút, ngày tháng năm, Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội đã tiếp nhận hồ sơ vay vốn của khách hàng:

Tên khách hàng vay vốn:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....Email:.....

Tên người đại diện (nếu có):.....

Số điện thoại:.....Email:.....

Hồ sơ vay vốn gồm có:

STT	Tên giấy tờ ¹	Tình trạng
1	Phương án vay vốn	Bản gốc
2	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	☐ Bản chính ☐ Bản sao có chứng thực ☐ Bản sao đã đối chiếu bản chính
3	Giấy phép hành nghề đối với các trường hợp hoạt động thương mại phải có giấy phép hành nghề	☐ Bản chính ☐ Bản sao có chứng thực ☐ Bản sao đã đối chiếu bản chính
4	Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền	☐ Bản chính ☐ Bản sao có chứng thực ☐ Bản sao đã đối chiếu bản chính

¹ Thông báo được lập trực tiếp khi nhận được hồ sơ của khách hàng. Cán bộ được phân công kiểm tra tình trạng hồ sơ và phân ánh các hồ sơ thực nhận vào Thông báo, bổ sung, xóa bỏ các nội dung không liên quan trình Giám đốc ký gửi khách hàng.

h

5	Giấy ủy quyền (nếu có)	☐ Bản chính ☐ Bản gốc ☐ Bản sao có công chứng ☐ Bản sao đã đối chiếu bản gốc/bản chính
6	Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu (còn hiệu lực)	☐ Bản chính ☐ Bản sao có chứng thực ☐ Bản sao đã đối chiếu bản chính
7	Điều lệ/Quy chế tổ chức hoạt động của khách hàng vay vốn và đối tượng vay vốn (nếu có).	☐ Bản chính ☐ Bản gốc ☐ Bản sao có chứng thực ☐ Bản sao đã đối chiếu bản gốc/bản chính
8	Các giấy tờ khác	☐ Bản chính ☐ Bản gốc ☐ Bản sao có chứng thực ☐ Bản sao đã đối chiếu bản gốc/bản chính

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
sẽ gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay/Thông báo từ chối cho vay trực tiếp
đến Quý khách hàng chậm nhất ngày/...../.....về địa chỉ của khách hàng.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

Mẫu số 03/TDTN
Lập 01 liên: lưu ngân hàng
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

A. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG¹

1. Tên tổ chức kinh tế:
2. Họ và tên người đại diện: Chức vụ:
Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:
Ngày cấp: Nơi cấp:
3. Giấy ủy quyền (nếu có): số..... ngày:/...../.....
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại: Fax:
6. Mã số thuế.....
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã số:
Ngày cấp: Cơ quan cấp:
8. Tài khoản thanh toán số:..... tại Ngân hàng
9. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có:

B. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

I. PHÂN TÍCH ĐỊNH TÍNH

1. Lịch sử phát triển (ngày thành lập, thời gian hoạt động tại địa phương hiện tại, lý do khởi nghiệp kinh doanh, quá trình thay đổi ngành nghề hoặc ngừng hoạt động kinh doanh...):

.....
.....
.....

2. Năng lực của người điều hành (tính chân thật, độ tin cậy, tình trạng sức khỏe, sự ủng hộ của gia đình, trình độ...)

.....

¹ Tùy thuộc theo từng loại hình tổ chức kinh tế để điền thông tin cho phù hợp.

ly

3. Mặt hàng và dịch vụ kinh doanh (chi tiết về sản phẩm, dịch vụ, điểm khác biệt so với các cơ sở sản xuất, kinh doanh khác, sức cạnh tranh, nhu cầu của thị trường, hướng tới tầng lớp, đối tác giao dịch nào...)

4. Đối tác giao dịch chủ yếu

a) Đối tác mua hàng (nhà cung ứng) chủ yếu

Đối tác mua hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

b) Đối tác bán hàng (người tiêu thụ) chủ yếu

Đối tác bán hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

5. Điều tra thực địa (biển tên và biển hiệu; địa chỉ và tình trạng văn phòng, cửa hàng, nhà máy, tình trạng máy móc thiết bị, hàng tồn kho...)

III. PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG

1. Bảng tính toán lỗ, lãi

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm	Tài liệu xác nhận	Năm	Tài liệu xác nhận
1	Tổng doanh thu				

2	Tổng chi phí				
3	Thuế TNDN				
4	Lợi nhuận				

Nhận xét, đánh giá:

.....

.....

.....

2. Bảng đối chiếu tài sản có và tài sản nợ (nếu có)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Năm	Tài liệu xác nhận	Năm	Tài liệu xác nhận
1	Tiền mặt - tiền gửi				
2	Tiền bán chịu				
3	Tồn kho (vật tư, thành phẩm, sản phẩm dở dang)				
4	Tài sản cố định				
5	Các tài sản khác				
6	Tổng tài sản có (1+2+3+4+5)				
7	Tiền mua chịu				
8	Tiền vay				
9	Các nợ khác				
10	Tổng công nợ (7+8+9)				
11	Nguồn vốn chủ sở hữu (6-10)				
12	Tổng tài sản Nợ (10+11)				

Nhận xét, đánh giá :

.....

.....

.....

IV. ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN VAY VỐN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Nội dung phương án vay vốn

a) Đánh giá hiện trạng

- Đánh giá hiện trạng văn phòng/chỉ nhánh/cửa hàng kinh doanh (địa chỉ, diện tích):

- Đánh giá hiện trạng nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động, địa chỉ):.....

- Đánh giá về hiện trạng trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động):.....

b) Đánh giá Phương án kinh doanh²

- Đánh giá về việc đầu tư xây dựng trụ sở, cửa hàng, kho tàng, trang thiết bị và các tài sản khác:

+ Hạng mục đầu tư:.....

+ Chi phí đầu tư:.....

- Mua sắm hàng hóa, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hàng tiêu dùng:

+ Chủng loại:.....

+ Số lượng:.....

+ Giá trị:.....

- Góp vốn với tổ chức, cá nhân khác để thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh

- Phương án sản xuất, kinh doanh:.....

- Tổng vốn thực hiện phương án SXKD:.....

- Số vốn góp hiện phương án SXKD.....

3. Phân tích hiệu quả phương án và dự báo thu - chi tiền mặt sau khi vay vốn

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Cán bộ thẩm định tính toán		Theo phương án vay vốn của khách hàng	Chênh lệch
		Cách tính	Giá trị		

² Tùy thuộc vào mục đích của phương án vay vốn để kê khai theo nội dung các điểm a, b, c.

1	Tổng doanh thu				
2	Tổng chi phí				
3	Lợi nhuận				

* Các mục trên đều là số ước tính số thực thu, thực chi trong 1 năm phương án
 Nhận xét, đánh giá:

.....

4. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án:.....đồng, trong đó:

- Vốn tự có:..... đồng

- Vốn đề nghị vay Ngân hàng:đồng

Sử dụng vào các việc:

.....

5. Thời điểm bắt đầu thực hiện phương án: Tháng.....năm.....

6. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng:

- Khấu hao tài sản từ vốn vay:.....đồng;

- Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có:.....đồng;

- Lợi nhuận từ phương án và các nguồn khác:.....đồng;

- Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là:.....đồng;

Nhận xét, đánh giá:.....

.....

7. Tài sản bảo đảm tiền vay

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN	GIÁ TRỊ (ước tính)

Nhận xét, đánh giá (tính pháp lý, giá trị TSBĐ, khả năng chuyển nhượng, khả năng quản lý tài sản):.....

.....

V. KẾT LUẬN: (đánh giá chung về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của thương nhân là tổ chức kinh tế, mục đích vay vốn, tính khả thi của phương án,

tiềm năng sản xuất, hiệu quả kinh tế, khả năng hoàn trả nợ, điều kiện về hồ sơ pháp lý, bảo đảm tiền vay):

.....
.....
.....

C. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHO VAY

Căn cứ phương án vay vốn và kết quả thẩm định, đề nghị:

☐ Không phê duyệt cho vay. Lý do:.....

.....
.....

☐ Phê duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Mức đề nghị cho vay: tổng số tiền: đồng

2. Thời hạn cho vay tháng

3. Lãi suất cho vay: %/năm

4. Lãi suất nợ quá hạn:%/năm

5. Trả gốc:.....tháng/lần; Trả lãi theo:.....

6. Tiền vay sử dụng vào việc:

.....
.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

CÁN BỘ TÍN DỤNG

(Ký, ghi rõ họ và tên)

D. KIỂM SOÁT VÀ PHÊ DUYỆT CHO VAY

Ngày.....tháng.....năm 20.....

TRƯỞNG PHÒNG (TỔ TRƯỞNG)

TÍN DỤNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CHO VAY

Kính gửi:.....¹

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
thông báo phê duyệt cho vay đối với Quý khách hàng như sau:

1. Tổng số tiền cho vay

Bằng số đồng.

(Bằng chữ.....).

3. Mục đích sử dụng vốn vay.....

4. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay:%/năm

- Lãi suất nợ quá hạn:%/năm

5. Thời hạn cho vay: tháng.

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
trân trọng thông báo để Quý khách hàng
đến địa chỉ vào lúc
giờ.....phút, ngày tháng năm..... để ký Hợp đồng tín dụng và
làm các thủ tục liên quan theo quy định.

Để biết thêm thông tin chi tiết, Quý khách hàng liên hệ số điện thoại:.....

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Mẫu được soạn thảo sau khi được phê duyệt cho vay, phần kính gửi ghi rõ tên khách hàng vay vốn.

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO TỪ CHỐI CHO VAY

Kính gửi:¹

Vào hồigiờ.....phút, ngày tháng năm 20.....,
Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
nhận được hồ sơ vay vốn của Quý khách hàng gửi đến.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu, Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....thông báo từ chối cho vay
đối với Quý khách hàng vì những lý do như sau:

1.
2.
3.

Trường hợp Quý khách hàng có nhu cầu nhận lại hồ sơ đã nộp vào Ngân hàng, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Chính sách xã hội ký thông báo này, đề nghị Quý khách hàng đến Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội để nhận lại hồ sơ. Nếu quá 05 ngày làm việc Quý khách hàng không đến nhận lại hồ sơ, Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ thực hiện hủy hồ sơ vay vốn theo quy định./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Mẫu được soạn thảo trong trường hợp khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, phần kính gửi ghi rõ tên khách hàng vay vốn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG¹
Số:/20.../HĐTD

Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015 và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn;

Căn cứ văn bản số/NHCS-TDSV ngày .../.../2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn;

Căn cứ hồ sơ vay vốn của

Hôm nay, ngày tháng năm, tại trụ sở Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội, chúng tôi gồm:

I. Bên cho vay

- Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:
- Người đại diện: Chức vụ:

II. Bên vay²

- Tên tổ chức kinh tế:
- Họ và tên người đại diện: Chức vụ:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

¹ Hợp đồng được đánh máy, in, đóng dấu giáp lai giữa các trang và Tổ trưởng hoặc Trưởng Phòng KHNVTĐ ký tất từng trang. Mẫu hợp đồng dùng chung, NHCSXH nơi cho vay bỏ các nội dung không liên quan khi thỏa thuận với Bên vay.

² Tùy thuộc vào loại hình kinh tế để điền thông tin cho phù hợp

Ngày cấp: Nơi cấp:

- Giấy ủy quyền (nếu có): số..... ngày:/...../.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax:

- Mã số thuế.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã số:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

- Tài khoản thanh toán số:..... tại Ngân hàng

- Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có:

3. Đối với cá nhân

- Họ và tên người vay: Tuổi:

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp.....nơi cấp.....

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

- Điện thoại liên hệ:.....

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng tín dụng với các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Bằng Hợp đồng tín dụng này, Bên cho vay thống nhất cho Bên vay vay vốn để³.....

Điều 2. Nội dung cho vay

1. Số tiền cho vay.....

Bằng số đồng.

(Bằng chữ.....).

2. Thời hạn cho vay: tháng, kể từ ngày bên vay nhận khoản giải ngân đầu tiên.

3. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay:%/năm

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Lãi tiền vay được tính kể từ ngày Bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. Tiền lãi được Bên cho vay thu hàng tháng bắt đầu ngay sau tháng bên vay nhận khoản vay đầu tiên, tiền lãi được tính trên số dư nợ thực tế.

Tiền lãi tháng nếu chưa thu được thì chuyển sang thu vào tháng kế tiếp sau đó.

5. Kỳ hạn trả nợ gốc:

³ Tùy thuộc vào mục đích sử dụng vốn vay để soạn thảo nội dung này cho phù hợp.

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.
- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.
- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

.....

6. Bên vay chủ động chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản thanh toán đã mở tại Bên cho vay. Bên cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của Bên vay để thu nợ gốc và lãi. Bên vay có thể trả nợ trước hạn. Trường hợp bên vay trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

Điều 3. Giải ngân tiền vay

Bên cho vay phát tiền vay cho Bên vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định.

Điều 4. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ⁴

- Đối với thương nhân là cá nhân: Trường hợp Bên vay gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

- Đối với thương nhân là tổ chức kinh tế: Nếu Bên vay gặp khó khăn chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì trước 05 ngày đến hạn trả nợ, bên vay phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gửi Bên cho vay để Bên cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Thời hạn điều chỉnh kỳ hạn trả nợ có thể một hoặc nhiều lần nhưng không quá 6 tháng cho mỗi kỳ hạn trả nợ.

2. Gia hạn nợ

Đến hạn trả nợ cuối cùng, Bên vay chưa trả được nợ và có nhu cầu gia hạn nợ, Bên vay phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi Bên cho vay trước 05 ngày đến hạn trả nợ để Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng thời gian gia hạn nợ tối đa không quá thời hạn đã cho vay đối với khoản cho vay từ 12 tháng trở xuống và tối đa không quá 1/2 thời hạn đã cho vay đối với khoản cho vay trên 12 tháng.

3. Chuyển nợ quá hạn

- Đối với trường hợp khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày ghi nhận trong Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay/Biên bản kiểm tra, NHCSXH nơi cho vay đơn đốc thu hồi, nếu khách hàng vay vốn không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn.

⁴ Tùy thuộc đối tượng vay vốn là cá nhân hay tổ chức kinh tế để soạn thảo nội dung này cho phù hợp.

- Đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà Bên vay chưa trả được nợ, không được Bên cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì Bên cho vay chuyển số dư nợ đó sang quá hạn.

- Đến hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng/Phụ lục Hợp đồng tín dụng mà Bên vay chưa trả được nợ, không được Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ thì Bên cho vay chuyển số dư nợ còn lại sang quá hạn.

Điều 5. Bảo đảm tiền vay⁵

1. Tài sản bảo đảm làdo.....cấp.

Địa chỉ.....

Giấy tờ pháp lý về tài sản:.....

2. Tổng giá trị tài sản bảo đảm là.....đồng để bảo đảm cho nghĩa vụ của món vay được quy định tại Hợp đồng tín dụng này.

3. Chi tiết về tài sản bảo đảm tiền vay được quy định chi tiết tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay được giao kết giữa Bên cho vay và Bên bảo đảm.

4. Bên vay được quyền rút toàn bộ giấy tờ về tài sản bảo đảm sau khi đã trả hết nợ gốc và lãi.

5. Bên cho vay được quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi vốn trong trường hợp Bên vay vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và không thể khắc phục được.

6. Bên cho vay thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm đột xuất hoặc định kỳ.

7. Bên vay không dùng tài sản nêu tại Khoản 1 Điều này để đảm bảo cho các nghĩa vụ của mình tại tổ chức tín dụng khác; không được chuyển nhượng tài sản này khi chưa được sự đồng ý của Bên cho vay hoặc chưa trả hết nợ gốc và lãi cho Bên cho vay.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên cho vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận và được quyền yêu cầu Bên vay thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết.

3. Kiểm tra, giám sát theo kế hoạch hoặc đột xuất việc vay vốn và sử dụng vốn của Bên vay.

4. Từ chối các yêu cầu của Bên vay không đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng này.

5. Được chủ động trích tài khoản của Bên vay mở tại Bên cho vay để thu nợ gốc đến hạn, quá hạn, thu lãi.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận, cam kết và được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận.

⁵ Áp dụng đối với mức vay vốn trên 100 triệu đồng trở lên.

2. Sử dụng vốn vay đúng mục đích theo Hợp đồng tín dụng này. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày giải ngân khoản vay, Bên vay có nghĩa vụ cung cấp các chứng từ chứng minh sử dụng vốn vay.

3. Trả nợ gốc, lãi đầy đủ, đúng hạn cho Bên cho vay. Dùng các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Bên vay để trả nợ Bên cho vay.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên cho vay về tính chính xác, trung thực của các thông tin, hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Bên cho vay.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay và các cơ quan có thẩm quyền trong việc vay vốn, sử dụng vốn.

6. Thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi liên quan đến thông tin của Bên vay được nêu trong Hợp đồng tín dụng này.

Điều 9. Xử lý vi phạm

1. Bên vay vi phạm quy định của pháp luật, có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được ghi nhận tại Biên bản kiểm tra thì NHCSXH nơi cho vay xem xét chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và thông báo cho Bên vay.

2. Căn cứ kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc kết luận tại Biên bản kiểm tra về việc vi phạm Hợp đồng tín dụng của Bên vay, Bên cho vay chấm dứt cho vay và thông báo cho Bên vay.

3. Trường hợp Bên vay vi phạm theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg và/hoặc cố tình không hoàn trả vốn vay, NHCSXH nơi cho vay báo cáo và kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Bên cho vay xử lý tài sản bảo đảm hoặc khởi kiện trong các trường hợp sau:

a) Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản.

b) Bên vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ Bên cho vay.

c) Bên vay cố tình trốn tránh, chây ỳ trả nợ theo thỏa thuận.

d) Bên vay có hành vi lừa đảo, gian lận.

đ) Bên vay có vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp xảy ra giữa hai bên được ưu tiên giải quyết bằng thương lượng. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra Toà ánđể xem xét, giải quyết.

Điều 11. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận, thống nhất của hai bên bằng văn bản.

2. Những nội dung không được thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng này được thực hiện theo quy định của NHCSXH, quy định của pháp luật.

Điều 12. Hiệu lực của Hợp đồng tín dụng

Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả tiền gốc, lãi cho Bên cho vay.

Hợp đồng tín dụng này bao gồm.....trang, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY

(Ký tên, đóng dấu)

PHÂN THEO DÕI CHO VAY - THU NỢ - DƯ NỢ
(kèm theo Hợp đồng tín dụng số:/20..../HĐTD ngày .../.../.....)

1. Phân theo dõi cho vay - thu nợ

Đơn vị: đồng

Ngày tháng Năm	Diễn giải	Số tiền	Lãi suất %/năm	Ngày đến hạn trả nợ	Dư nợ trong hạn	Chữ ký	
						Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7	8

2. Phân theo dõi chuyển nợ quá hạn, thu nợ quá hạn

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn/thu nợ quá hạn	Lãi suất %/năm	Dư nợ quá hạn	Chữ ký	
					Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 06/TDTN
KH và NH cùng lập
01 liên lưu NH

BIÊN BẢN KIỂM TRA

(Áp dụng cho vay đối với thương nhân là tổ chức kinh tế)

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số

Căn cứ Hợp đồng bảo đảm tiền vay số

Hôm nay, ngày...../...../....., tại chúng tôi gồm:

I. Bên vay vốn:

- Tên khách hàng vay vốn:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại liên hệ:.....
- Họ và tên người đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền vay vốn là Ông (bà)..... Chức vụ.....
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
- Ngày cấp:...../...../..... nơi cấp:.....

II. Đại diện chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện).....

- Ông (bà)..... Chức vụ:.....
- Ông (bà)..... Chức vụ:.....

Nội dung kiểm tra:

1. Về tình hình thực hiện Hợp đồng tín dụng tính đến ngày kiểm tra

- Tổng số tiền phê duyệt cho vay theo Hợp đồng tín dụng: đồng.
- Tổng số tiền đã giải ngân: đồng.
- Lũy kế số nợ gốc đã trả: đồng.
- Dư nợ vay: đồng.
- Lãi trả đến ngày kiểm tra:.....đồng

2. Về mục đích sử dụng tiền vay

-
-

3. Về tình hình thực hiện phương án vay vốn và khả năng trả nợ

a) Tình hình thực hiện phương án vay vốn

-
-

b) Khả năng trả nợ

27

.....
.....
4. Về tài sản bảo đảm (nếu có).....

STT	Tên tài sản bảo đảm	Số lượng (nếu có)	Hiện trạng tài sản bảo đảm	Ghi chú

Đánh giá việc tuân thủ các quy định trong việc bảo quản, sử dụng tài sản bảo đảm (nếu có).....

5. Ý kiến của cán bộ kiểm tra

.....
.....
6. Ý kiến của tổ chức kinh tế:

.....
KHÁCH HÀNG VAY VỐN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

.....
CÁN BỘ KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 08/TDTN
Khách hàng lập
01 liên gửi NH.

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ

Kính gửi: Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH
(quận, huyện).....

Tên tổ chức kinh tế:.....
Địa chỉ trụ sở chính :.....; Điện thoại liên hệ:.....
Họ và tên người đại diện hoặc được ủy quyền vay vốn:.....
Ông (bà)..... Chức vụ.....
Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp.....nơi cấp.....
Đã vay tại Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện)
.....
Số tiền: (Bằng chữ.....)
Theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày...../...../.....
Số tiền đến hạn trả nợ gốc kể từ ngày...../...../..... làđồng.
Số tiền nợ gốc chưa trả được làđồng.
Vi lý do:.....
Đề nghị Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện).....cho phép tổ chức kinh tế..... được kéo dài thời hạn trả khoản nợ gốc trên đến ngày..... tháng..... năm.....
Chúng tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày.....tháng.....năm.....
Khách hàng vay vốn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được điều chỉnh kỳ hạn là
- Thời gian điều chỉnh đến ngày...../...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

**CÁN BỘ
TÍN DỤNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG PHÒNG KH- NVTD
(TỔ TRƯỞNG KH-NV)**
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 09/TDTN
KH lập 01 liên
01 liên lưu NH

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH
(quận, huyện).....

Tên khách hàng vay vốn:.....
Địa chỉ trụ sở chính :.....; Điện thoại liên hệ:.....
Họ và tên người đại diện hoặc được ủy quyền vay vốn.....
Ông (bà).....Chức vụ.....
Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp.....nơi cấp.....
Theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày.....tháng.....năm....., chúng tôi
đã được Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện)
.....cho vay số tiền làđồng.
- Hạn phải trả vào ngày.....tháng.....năm.....
- Số tiền nợ gốc đã trả.....đồng.
- Số tiền nợ gốc chưa trả.....đồng.
Lý do chậm trả:.....
.....
Đề nghị Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện)
.....cho gia hạn số nợ gốc nêu trên đến ngày ... tháng ... năm
Chúng tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày.....tháng.....năm.....
Khách hàng vay vốn
(Ký, ghi rõ họ tên đóng dấu (nếu có))

PHẦN PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được gia hạn nợ gốc là
- Thời gian gia hạn nợ :.....tháng . Hạn trả nợ cuối cùng đến ngày .../.../.....
Ngày.....tháng.....năm.....

**CÁN BỘ
TÍN DỤNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG PHÒNG KHI-NVTD
(TỔ TRƯỞNG KH-NV)**
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

Kính gửi:¹

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số ngày tháng năm
giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
..... với khách hàng vay vốn là
.....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
..... thông báo:

- Số nợ gốc đã chuyển nợ quá hạn:đồng
(Bằng chữ:)
- Ngày chuyển nợ quá hạn:/...../.....
- Lãi suất nợ quá hạn:%/năm.
- Lý do chuyển nợ quá hạn:

Yêu cầu khách hàng trả số tiền nợ quá hạn nêu trên cho Chi nhánh/Phòng
giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
Trường hợp trả nợ bằng chuyển khoản, đề nghị khách hàng chuyển về:

- Đơn vị thụ hưởng (tên tài khoản Bên cho vay):
- Số tài khoản:.....
- Mở tại:.....
- Nội dung: trả nợ gốc quá hạn, lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng
số ngày.....tháng năm 20....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
yêu cầu khách hàng thực hiện trả nợ./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Thông báo được đánh máy, in

3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

*(Áp dụng đối với các thành viên
hộ kinh doanh có từ 02 thành viên trở lên)*

Căn cứ Bộ Luật dân sự 2015 và các văn bản pháp lý có liên quan;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sốngày....tháng
.....năm.....

Hôm nay, ngày tháng năm....., tại....., chúng tôi gồm
có:

I. Bên ủy quyền là hộ kinh doanh¹....., gồm:²

1. Họ và tên:..... Năm sinh:.....

- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp.....nơi cấp.....

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

2. Họ và tên:..... Năm sinh:.....

- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp.....nơi cấp.....

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

3.....

II. Bên được ủy quyền³

Họ và tên:..... Năm sinh:.....

- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp.....nơi cấp.....

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Hai bên thống nhất ủy quyền với các nội dung thỏa thuận sau đây:

III. Nội dung ủy quyền

1. Các thành viên trong Hộ kinh doanh..... (Bên ủy quyền) thống
nhất vay vốn chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng
khó khăn tại Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã
hội..... để thực hiện phương án vay vốn....., với mức vay

¹ Điền tên hộ kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

² Điền thông tin các thành viên của hộ kinh doanh có từ 02 thành viên trở lên theo danh sách thành viên
tại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

³ Bên được ủy quyền phải là hộ kinh doanh

72

tối đa là.....đồng và thống nhất ủy quyền cho ông/bà.....(Bên được ủy quyền) làm đại diện cho các thành viên trong Hộ kinh doanh.....thực hiện đứng tên người vay vốn và thực hiện các giao dịch với Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các thành viên trong Hộ kinh doanh..... cam kết chịu trách nhiệm đối với các khoản vay tại Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội..... do Bên được ủy quyền thực hiện trong phạm vi được ủy quyền theo quy định của pháp luật.

3. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong Hộ kinh doanh..... với Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....kết thúc theo quy định.

4. Các thành viên của Hộ kinh doanh.....và Bên được ủy quyền công nhận đã hiểu rõ mọi quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình; hậu quả pháp lý của Giấy ủy quyền này đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết do Bên được ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

5. Giấy ủy quyền này được lập 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản gửi Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội....., 01 bản lưu Hộ kinh doanh./.

STT	BÊN ỦY QUYỀN ⁴		BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN
	Họ và tên	Ký tên	(Ký, ghi rõ họ tên)
1			
2			
3			
...			

CHỨNG THỰC CỦA UBND CẤP XÃ/CƠ QUAN CÔNG CHỨNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁴ Là các thành viên ghi tại Mục I trừ thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại Mục II Giấy ủy quyền